

Xuân Tháp, ngày 28 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **Năm 2025**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường Tiểu học Diễn Xuân

2. Địa chỉ: Xóm Trung Xuân – Xã Xuân Tháp – Huyện Diễn Châu – Tỉnh Nghệ An

Email: thdienxuan.dc@nghean.edu.vn

Cổng thông tin điện tử:

3. Loại hình: Công lập

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân Huyện Diễn Châu

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu:

Sứ mệnh: Xây dựng môi trường học tập thân thiện, văn minh, hạnh phúc để mỗi giáo viên và học sinh có cơ hội phát triển tài năng, có khả năng thích ứng. Đào tạo thế hệ tương lai của đất nước trở thành những công dân ưu tú, năng động, khỏe về thể chất, mạnh về trí lực, có tinh thần trách nhiệm, giàu lòng nhân ái và có đủ bản lĩnh, tự tin vươn cao, hội nhập với thế giới.

Tầm nhìn: Xây dựng Trường Tiểu học Diễn Xuân bằng trí tuệ và tấm lòng nhà giáo, bằng sự truyền thụ nền giáo dục tiên tiến. Một môi trường rèn luyện để giáo viên và học sinh luôn năng động sáng tạo và khát vọng vươn lên.

Giá trị cốt lõi: “Năng động - Sáng tạo - Đoàn kết - An toàn - Thân thiện - Hạnh phúc”

Giá trị cốt lõi mà trường luôn hướng đến là học sinh biết vượt khó trong học tập, có tính kiên trì và nhẫn nại; có lối sống lành mạnh, biết ứng xử tốt trong mọi tình huống; tự tin giao tiếp; Khỏe mạnh cả về thể chất, tinh thần và trí tuệ.

Mục tiêu chung

Triển khai tốt Chương trình hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính

phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

Tiếp tục tổ chức tuyên truyền và đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, gắn với cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” và phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

Chỉ đạo đội ngũ giáo viên tập trung bồi dưỡng về nội dung chương trình; phương pháp dạy học theo lộ trình đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018. Tích cực đổi mới phương pháp và kỹ thuật dạy học, hướng dẫn học sinh cách học, cách tìm ra kiến thức mới; đổi mới cách đánh giá kết quả học tập của học sinh; chú trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng học sinh năng khiếu; khuyến khích học sinh nghiên cứu khoa học, vận dụng lý thuyết vào thực tế; chú trọng công tác giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống và tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục cao và toàn diện, từng bước tiếp cận với mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Là địa chỉ tin cậy cho các bậc phụ huynh khi gửi con vào học tập. Giữ vững và nâng tầm trường chuẩn quốc gia mức độ 2, Trường Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới; xây dựng môi trường giáo dục tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Quá trình hình thành và phát triển nhà trường

Trường Tiểu học Diễn Xuân đóng trên địa bàn xóm Trung Xuân, xã Xuân Thấp thuộc huyện Diên Châu- Tỉnh Nghệ An. Phía Bắc giáp với xã Diên Thấp (cũ), phía Tây giáp với Diên Liên và Diên Đồng, phía Nam giáp với xã Diên Hạnh, phía Đông giáp với xã Diên Kỳ.

Trường Tiểu học Diễn Xuân tiền thân là trường cấp 1,2 Diễn Xuân, được thành lập từ năm 1958. Đến nay nhà trường đã có hơn 65 năm hình thành và phát triển.

Hơn sáu mươi năm qua, do phân cấp quản lý, trường đã nhiều lần đổi tên và từ năm học 1993- 1994 đến nay là trường Tiểu học Diễn Xuân.

Cảnh quan nhà trường đảm bảo xanh- sạch - đẹp, trường có 21 phòng học cao tầng và các phòng chức năng như: Tiếng anh, phòng tin học, Mỹ thuật. Hiện tại trường có 35 cán bộ, giáo viên, nhân viên; 21 lớp với 746 học sinh từ lớp 1 đến lớp 5. Kế thừa và phát huy truyền thống của các thế hệ đi trước, trong những năm qua, thầy và trò Trường Tiểu học Diễn Xuân đã thi đua dạy tốt, học tốt và đạt được những thành tích đáng kể: Trường được công nhận là đơn vị văn hóa cấp Tỉnh năm 2000, đạt trường Anh Hùng lao động trong thời kỳ đổi mới năm 2006 và kiểm tra lại đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 năm 2022. Nhiều năm liền là tập thể Lao động Tiên tiến và Tiên tiến Xuất sắc, được UBND Tỉnh Nghệ An tặng bằng khen; UBND huyện Diên Châu tặng nhiều giấy khen.

6. Thông tin người đại diện

- Họ và tên: Ngô Thị Hà
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Số điện thoại: 0983675280
- E mail: Havinhdx@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục.

Trường Tiểu học Diễn Xuân trước đây là Trường cấp 1 Diễn Xuân được thành lập ngày 24 tháng 8 năm 1953. Đến năm 1976 thì sáp nhập với trường cấp II, gọi là Trường cấp 1-2 Diễn Xuân, đến năm học 1993-1994 trường được thành lập, tách rời hoạt động giáo dục riêng biệt và có tên gọi Trường Tiểu học Diễn Xuân.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định (QĐ) số 3142/QĐ-UBND ngày 03/10/2024 của UBND huyện Diên Châu Về việc kiện toàn thành viên Hội đồng trường của Trường Tiểu học Diên Xuân nhiệm kỳ 2020 - 2025 (năm học 2024-2025) gồm:

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh, chức vụ trong đơn vị	Đơn vị công tác (theo trường)
1	Ngô Thị Bắc	11/10/1973	Phó Hiệu trưởng	TH Diên Xuân
2	Nguyễn Thị Hồng Gái	21/11/1977	Giáo viên- Thư ký HĐSP	TH Diên Xuân
3	Ngô Thị Hà	05/05/1971	Hiệu trưởng	TH Diên Xuân
4	Nguyễn Hùng Cường	10/10/1978	Chủ tịch công đoàn	TH Diên Xuân
5	Nguyễn Thị Hường	21/11/1981	Tổ trưởng Tổ 4-5	TH Diên Xuân
6	Ngô Thị Bình	01/01/1979	Tổ trưởng Tổ 1-2-3	TH Diên Xuân
7	Hoàng Thị Như Phương	26/03/1977	GV- TPT Đội	TH Diên Xuân
8	Lê Thị Hà	16/01/1982	Trưởng ban văn hóa	UBND xã Diên Xuân
9	Nguyễn Thị Hoa	04/10/1962	Phó ban đại diện CMHS	TH Diên Xuân

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, Quyết định bổ nhiệm lại hiệu trưởng; phó hiệu trưởng;

- Hiệu trưởng: Ngô Thị Hà

Quyết định số 799/QĐ-UB ngày 22/10/2003 của UBND huyện Diên Châu về việc đề bạt cán bộ quản lý trường học.

Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 27/8/2010 của UBND huyện Diên Châu về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý trường học.

Quyết định số 1469 /QĐ-UBND ngày 20/8/2015 của UBND huyện Diên Châu về việc về việc bổ nhiệm lại và luân chuyển cán bộ quản lý trường học.

Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của UBND huyện Diên Châu về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý trường học.

Quyết định số 2811/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 của UBND huyện Diên Châu về việc điều động, bổ nhiệm hiệu trưởng.

- Phó hiệu trưởng: Ngô Thị Bắc

Quyết định số 1870 /QĐ-UB ngày 22/8/2005 của UBND huyện Diên Châu về việc đề bạt cán bộ quản lý trường học.

Quyết định số 1954/ QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của UBND huyện Diên Châu về việc luân chuyển cán bộ quản lý trường học.

Quyết định số 2295/QĐ-UBND ngày 06 /8/ 2021 của UBND huyện Diên Châu về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý trường học.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

- Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Tiểu học Diên Xuân

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định;

Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế

dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường

+ 01 Hội đồng trường gồm 09 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 26 đảng viên.

+ Tổ chức Công đoàn có 34 công đoàn viên.

+ Ban đại diện CMHS gồm 21 thành viên.

+ Các tổ chuyên môn: 2 tổ chuyên môn

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Địa chỉ thư điện tử
1	Ngô Thị Hà	HT	0983675280	Havinhdx@gmail.com
2	Ngô Thị Bắc	PHT	0977762433	Thonggiap9805@gmail.com

- Địa chỉ nơi làm việc: Trường TH Diễn Xuân, xóm Trung Xuân, xã Diễn Xuân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

- Nhiệm vụ, trách nhiệm:

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

Thành lập các tổ chuyên môn và các hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỉ luật, hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; cử giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

Thực hiện các nhiệm vụ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý giáo dục; xây dựng kế hoạch phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên, nhân viên; động viên và tạo điều kiện cho giáo viên và nhân viên tham gia các hoạt động đổi mới giáo dục; thực hiện đánh giá, xếp loại giáo viên, nhân viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tham gia quá trình tuyển dụng, chuyển chuyển, sắp xếp giáo viên; tổ chức các bước giới thiệu nhân sự đề nghị cấp có thẩm quyền bổ nhiệm phó hiệu trưởng.

Quản lý, tiếp nhận học sinh, cho phép học sinh chuyển trường; quyết định kỉ luật, khen thưởng học sinh; phê duyệt kết quả đánh giá học sinh, danh sách học sinh lên lớp, lưu ban; tổ chức kiểm tra công nhận việc hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường và các đối tượng khác trên địa bàn trường phụ trách.

Tổ chức triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; sách giáo khoa, nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Thực hiện quản lý, sử dụng và lựa chọn các xuất bản phẩm tham khảo sử dụng trong nhà trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý. Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy theo quy định về định mức tiết dạy đối với hiệu trưởng.

Quản lý hành chính; quản lý và tự chủ trong việc sử dụng các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường theo quy định.

Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện xã hội hoá giáo dục, phối hợp tổ chức, huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng xã hội.

Xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường theo quy định của Pháp luật.

Được hưởng chế độ phụ cấp đối với nhà giáo và các chính sách ưu đãi theo quy định.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

- Chiến lược phát triển nhà trường.
- Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở.
- Quy chế làm việc
- Quy tắc ứng xử trong nhà trường

II. ĐỘI NGŨ CBQL, GIÁO VIÊN VÀ NHÂN VIÊN

1. Nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

	Tổng	Nữ	D.Tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	0	0	01	0	
Phó Hiệu trưởng	01	01	0	0	01	0	
Giáo viên	30	28	0	0	28	0	3 HĐT
Nhân viên	02	02	0	01	01	0	
Cộng	34	32	0	01	33	0	

2. Chuẩn nghề nghiệp

STT	Đội ngũ	Đạt chuẩn nghề nghiệp năm 2025	Năm 2024
1	Cán bộ quản lý	2/2 tỷ lệ 100%	100%
2	Giáo viên	27/27 tỷ lệ 100%	100%

3. Bồi dưỡng hàng năm

TT	Đội ngũ	Hoàn thành bồi dưỡng năm 2025	Năm 2024
----	---------	-------------------------------	----------

1	Cán bộ quản lý	2/2 tỷ lệ 100%	100%
2	Giáo viên	27/27 tỷ lệ 100%	100%
3	Nhân viên	2/2 tỷ lệ 100%	100%
	Tổng cộng	31/31 tỷ lệ 100%	100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Thông tin chung:

- Diện tích trường: 7154 m²
- Số điểm trường: 01
- Diện tích bình quân tối thiểu/HS: Bình quân: 9,6 m²/học sinh

2. Hạng mục khối phòng

TT	Hạng mục	Số lượng	Ghi chú
Khối phòng hành chính quản trị		01	
1	Phòng Hiệu trưởng	01	
2	Phòng Phó Hiệu trưởng	01	
3	Kế toán – Tài vụ	01	
4	Phòng Hội đồng	01	
Khối phòng học – chức năng			
1	Phòng học	21	
2	Phòng Âm nhạc	01	
3	Phòng Mỹ thuật	01	
4	Phòng Tin học	01	
5	Phòng Tiếng Anh	01	
6	Phòng Khoa học	0	
7	Thư viện	01	
8	Thiết bị	01	
9	Phòng Y tế	01	
10	Phòng Đội – Truyền thống	01	
11	Phòng đa chức năng	0	
12	Sân chơi	01	
12	Sân thể dục	01	

3. Thiết bị dạy học

- Ti vi: 25 (kể cả phòng Ngoại ngữ, Âm nhạc; Mỹ thuật và Tin học)
- Máy chiếu: 0
- Máy tính: 19

3. Danh mục sách giáo khoa lớp 5 sử dụng từ năm học 2024-2025

TT	Tên sách	Tác giả	Tổ chức cá nhân	Ghi chú
1	Tiếng Việt 5	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng chủ biên kiêm chủ biên), Chu Thị Thúy An, Vũ Trọng Đông, Nguyễn Khánh Hà, Đỗ Thu Hà, Đặng Kim Nga	Nhà XB ĐHSP thành phố HCM	
2	Toán 5	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên)	NXB GDVN	
3	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên)	NXB GDVN	
4	LS – DL 5	Nguyễn Minh Giang (Tổng chủ biên phần lịch sử), Đào Ngọc Hùng (Tổng chủ biên phần Địa lý)	NXB GDVN	
5	GDTC	Nguyễn Duy Quyết (Tổng chủ biên), Đỗ Mạnh Hùng (Chủ biên)	NXB GDVN	
6	Âm nhạc 5	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng chủ biên), Đỗ Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên)	NXB GDVN	
7	Mỹ thuật 5	Đình Gia Lê (Tổng chủ biên), Đoàn Thị Mỹ Hương, Trần Thị Biên (Chủ biên)	NXB GDVN	
8	Hoạt động trải nghiệm	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên)	NXB GDVN	
9	Khoa học	Vũ Huy Hùng (Tổng chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng chủ biên)	NXB GDVN	
10	Tiếng Anh 5 (i-Learn SmartStart)	Võ Đại Phúc (Tổng chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng chủ biên)	Nhà XB ĐHSP thành phố HCM	
11	Công nghệ	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên)	NXB GDVN	
12	Tin học	Nguyễn Chí Công (Tổng chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên)	NXB GDVN	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC, TRƯỜNG CHUẨN QUỐC GIA

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá: Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

1.1. Đánh giá theo từng tiêu chí từ Mức 1 đến Mức 3

Kết quả:

- Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt mức 1: 27/27 (100%)
- Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt mức 2: 27/27 (100%)

- Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt mức 3: 19/19 (100%)

1.2. Đánh giá theo tiêu chí Mức 4

Kết quả: Số tiêu chí đạt mức 4: 2/5 (40%)

2) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận trường chuẩn quốc gia:

- Nhà trường đã UBND tỉnh Nghệ An đã ban hành Quyết định 576/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An công nhận Trường Tiểu học Diễn Xuân đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, lần 2.

Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học 2024-2025

Thực hiện theo kế hoạch số 91/KH-THDX ngày 31 tháng 5 năm 2025 của Trường Tiểu học Diễn Xuân về việc tuyển sinh lớp 1 năm học 2025-2026.

- Số lớp tuyển sinh: 5 lớp với tổng số học sinh: 121

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

- Thời gian tuyển sinh: Ngày 20/6/2025

2. Các thông tin về học sinh

Khối lớp	Số lớp	Số HS	Trong đó					
			Số HS học 2 buổi/ngày	Số HS chuyển đi	Số HS chuyển đến	Học sinh nữ	HS dân tộc thiểu số	HS khuyết tật
1	4	144	144	0	03	71		2
2	5	172	172	01	02	78		1
3	4	149	149	0	03	73		0
4	5	170	170	04	03	77		2
5	3	111	111	02	02	54		1
Tổng	21	745	745	07	13	353		06

3. Kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo năm học 2024-2025

- Khối 1,2,3,4,5

+ Kết quả đánh giá học tập các môn học

TT	Môn học	Khối 1						Khối 2					
		Hoàn thành tốt (T)		Hoàn thành (H)		Chưa hoàn thành (C)		Hoàn thành tốt (T)		Hoàn thành (H)		Chưa hoàn thành (C)	
		SL	TL	SL	SL	TL	SL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Toán	103	72,5	36	25,4	03	2,2	125	73,1	46	26,9	0	0
2	T. Việt	100	70,4	39	27,5	3	2,1	120	70,2	50	29,2	01	0,6
3	T. Anh												
4	Đạo đức	113	79,6	29	20,4	0	0	126	73,7	45	26,3	0	0
5	TN&XH	109	76,8	33	23,2	0	0	123	71,9	48	28,1	0	0
6	Âm nhạc	105	73,9	37	26,1	0	0	124	72,5	47	27,5	0	0
7	Mỹ thuật	107	75,4	35	24,6	0	0	123	71,9	48	28,1	0	0
8	GDTC	110	77,5	32	22,5	0	0	127	74,3	44	25,7	0	0
9	HĐTN	110	77,5	32	22,5	0	0	126	73,7	45	26,3	0	0
TT	Môn học	Khối 3						Khối 4					
		Hoàn thành tốt (T)		Hoàn thành (H)		Chưa hoàn thành (C)		Hoàn thành tốt (T)		Hoàn thành (H)		Chưa hoàn thành (C)	
		SL	TL	SL	SL	TL	SL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Toán	114	76,51	34	22,82	01	0,67	126	75,0	42	25,0	0	0
2	T. Việt	112	74,5	36	24,83	01	0,67	118	70,2	50	29,8	0	0
3	Tiếng Anh	103	68,46	46	31,54	0	0	115	68,5	53	31,5	0	0
4	Đạo đức	112	75,17	37	24,83	0	0	118	70,2	50	29,8	0	0
5	TN&XH	109	73,15	40	26,85	0	0						
6	Âm nhạc	115	76,51	34	23,49	0	0	118	70,2	50	29,8	0	0
7	Mỹ thuật	116	77,85	33	22,15	0	0	120	71,4	48	28,6	0	0
8	GDTC	115	76,51	34	23,49	0	0	124	73,8	44	26,2	0	0
9	HĐTN	118	78,52	31	21,48	0	0	120	71,4	48	28,6	0	0
10	Tin học	114	76,51	35	23,49	0	0	133	79,2	35	20,8	0	0
11	Công Nghệ	115	77,18	34	22,82	0	0	129	76,8	39	23,2	0	0

12	Khoa học	/	/	/	/	/	/	122	72,6	46	27,4	0	0
13	Lịch sử và Địa lý	/	/	/	/	/	/	117	69,6	51	30,4	0	0

Khối 5:

TT	Môn học	Hoàn thành tốt (T)		Hoàn thành (H)		Chưa hoàn thành (C)	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Toán	82	74,55	28	25,45	0	0
2	T. Việt	77	70,0	33	30,0	0	0
3	Tiếng Anh	78	70,9	32	29,1	0	0
4	Đạo đức	79	71,82	31	28,18	0	0
5	TN&XH						
6	Âm nhạc	76	69,09	34	30,91	0	0
7	Mỹ thuật	76	69,09	34	30,91	0	0
8	GDTC	80	27,73	30	27,27	0	0
9	HĐTN	75	68,18	35	31,82	0	0
10	Tin học	87	79,09	23	20,91	0	0
11	Công Nghệ	81	73,64	29	26,26	0	0
12	Khoa học	77	70,0	33	30,0	0	0
13	Lịch sử và Địa lý	76	69,09	34	30,91	0	0

+ Kết quả đánh phẩm chất

TT	Phẩm chất	Khối 1						Khối 2					
		Tốt (T)		Đạt (T)		Cần cố gắng (C)		Tốt (T)		Đạt (T)		Cần cố gắng (C)	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Yêu nước	120	84,5	22	15,5	0	0	144	84,2	27	15,8	0	0
2	Nhân ái	117	82,4	25	17,6	0	0	133	77,8	38	22,2	0	0
3	Chăm chỉ	113	79,6	29	20,4	0	0	132	77,2	39	22,8	0	0
4	Trung thực	115	81,0	27	19,0	0	0	128	74,9	43	25,1	0	0
5	Trách nhiệm	112	78,9	30	21,1	0	0	126	73,7	45	26,3	0	0
TT	Phẩm chất	Khối 3						Khối 4					
		Tốt (T)		Đạt (T)		Cần cố gắng (C)		Tốt (T)		Đạt (T)		Cần cố gắng (C)	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Yêu nước	119	79,9	30	20,21	0	0	125	74,4	43	25,6	0	0
2	Nhân ái	119	79,9	30	20,21	0	0	123	73,2	45	26,8	0	0

3	Chăm chỉ	119	79,9	30	20,21	0	0	124	73,8	44	26,2	0	0
4	Trung thực	121	81,2	28	18,8	0	0	124	73,8	44	26,2	0	0
5	Trách nhiệm	120	80,5	29	19,5	0	0	123	73,2	45	26,8	0	0

Khối 5: Phẩm chất

TT	Phẩm chất	Tốt (T)		Đạt (T)		Cần cố gắng (C)	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Yêu nước	77	70,0	33	30,0	0	0
2	Nhân ái	77	70,0	33	30,0	0	0
3	Chăm chỉ	77	70,0	33	30,0	0	0
4	Trung thực	77	70,0	33	30,0	0	0
5	Trách nhiệm	77	70,0	33	30,0	0	0

+Kết quả đánh giá năng lực

TT	Năng lực	Khối 1						Khối 2					
		Tốt (T)		Đạt (T)		Cần cố gắng (C)		Tốt (T)		Đạt (T)		Cần cố gắng (C)	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Tự chủ và tự học	115	81,0	27	19,0	0	0	127	74,3	44	25,7	0	0
2	Giáo tiếp và hợp tác	113	79,6	29	20,4	0	0	124	72,5	47	27,5	0	0
3	GQVĐ và sáng tạo	108	76,1	34	23,9	0	0	127	74,3	44	25,7	0	0
4	Năng lực đặc thù												
4.1	Ngôn ngữ	111	78,2	31	21,8	0	0	126	73,7	45	26,3	0	0
4.2	Tính toán	112	78,9	30	21,1	0	0	126	73,7	45	26,3	0	0
4.3	Khoa học											/	/
4.4	Công nghệ											/	/
4.5	Tin học											/	/
4.6	Thẩm mỹ	111	78,2	31	21,8	0	0	128	74,9	43	25,1	0	0
4.7	Thể chất	113	79,6	29	20,4	0	0	130	76,0	41	24,0	0	0
TT	Năng lực	Khối 3						Khối 4					
		Tốt (T)		Đạt (T)		Cần cố gắng (C)		Tốt (T)		Đạt (T)		Cần cố gắng (C)	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL

1	Tự chủ và tự học	115	76,5	34	23,5	0	0	122	72,6	46	27,4	0	0
2	Giao tiếp và hợp tác	117	77,9	32	22,1	0	0	121	72,0	47	28,0	0	0
3	GQVĐ và sáng tạo	115	76,5	34	23,5	0	0	117	69,6	51	30,4	0	0
4	Năng lực đặc thù												
4.1	Ngôn ngữ	116	77,2	33	22,8	0	0	121	72,0	47	28,0	0	0
4.2	Tính toán	115	76,5	34	23,5	0	0	120	71,4	48	28,6	0	0
4.3	Khoa học							118	70,2	50	29,8	0	0
4.4	Công nghệ	118	79,2	31	20,8	0	0	121	72,0	47	28,0	0	0
4.5	Tin học	116	77,2	33	22,8	0	0	118	70,2	50	29,8	0	0
4.6	Thẩm mỹ	116	77,2	33	22,8	0	0	122	72,6	46	27,4	0	0
4.7	Thể chất	118	79,2	31	20,8	0	0	122	72,6	46	27,4	0	0

- Khối 5: Phẩm chất

TT		Phẩm chất	Tốt (T)		Đạt (T)		Cần cố gắng (C)	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL
1		Tự chủ và tự học	78	70,9	32	29,1	0	0
2		Giao tiếp và hợp tác	78	70,9	32	29,1	0	0
3		GQVĐ và sáng tạo	78	70,9	32	29,1	0	0
4		Năng lực đặc thù	77	70,0	33	30,0	0	0
4.1		Ngôn ngữ	77	70,0	33	30,0	0	0
4.2		Tính toán	77	70,0	33	30,0	0	0
4.3		Khoa học	77	70,0	33	30,0	0	0
4.4		Công nghệ	77	70,0	33	30,0	0	0
4.5		Tin học	77	70,0	33	30,0	0	0
4.6		Thẩm mỹ	77	70,0	33	30,0	0	0
4.7		Thể chất	77	70,0	33	30,0	0	0

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

- Khối 1,2,3,4,5

1	Đánh giá Kết quả cuối năm	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1.1	Hoàn thành xuất sắc	63	44,4	77	45,0	35	36,9	55	32,7
1.2	Hoàn thành tốt	29	20,4	43	25,1	46	30,9	52	30,9
1.3	Hoàn thành	47	33,1	50	29,2	47	31,53	61	36,4
1.4	Chưa hoàn thành	03	2,2	01	0,6	01	0,67	0	0
2	Khen thưởng cuối năm								
2.1	Học sinh <i>Xuất sắc</i>	63	44,4	77	45,0	35	36,9	55	32,7
2.2	Học sinh <i>Tiêu biểu</i> hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện	29	20,4	43	25,1	46	30,9	52	30,9
2.3	Khen thưởng đột xuất					01	0,67		
2.4	Đề nghị cấp trên khen thưởng	27	19,0	30	17,5	33	22,1	49	29,2
2.5	Gửi thư khen								
3	Hoàn thành chương trình lớp học								
3.1	Hoàn thành	139	97,9	170	99,4	148	99,3	168	100
3.2	Chưa hoàn thành	03	2,1	01	0,6	01	0,7	0	0

Khối 5

1	Đánh giá Kết quả cuối năm		
		SL	TL
1.1	Hoàn thành xuất sắc	33	30,0
1.2	Hoàn thành tốt	41	37,2
1.3	Hoàn thành	36	32,7
1.4	Chưa hoàn thành	0	0
2	Khen thưởng cuối năm		
2.1	Học sinh <i>Xuất sắc</i>	33	30,0
2.2	Học sinh <i>Tiêu biểu</i> hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện	41	37,2
2.3	Khen thưởng đột xuất		
2.4	Đề nghị cấp trên khen thưởng	22	22,0

2.5	Gửi thư khen		
3	Hoàn thành chương trình lớp học		
3.1	Hoàn thành	111	100
3.2	Chưa hoàn thành		

VI. BÁO CÁO THU CHI TÀI CHÍNH NĂM HỌC 2024 -2025

(Có bảng báo cáo kèm theo)

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Triển khai dạy học tiếng Anh tăng cường 3 tiết/ tuần cho học sinh lớp 1-5
- Dạy lồng ghép bài học Stem: 100% các lớp, các giáo viên xây dựng được bài giảng áp dụng phương pháp dạy Stem
- Dạy lồng ghép giáo dục ANQP; Giáo dục địa phương; Việt - Lào....

Thầy cô luôn tích cực trong việc đổi mới phương pháp dạy học để nâng cao chất lượng giáo dục. Chất lượng học tập của học sinh ngày càng được nâng lên, không có học sinh bỏ học hay ngồi nhầm lớp. Tạo dựng được môi trường học tập nề nếp, kỷ cương, có chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực và tư duy sáng tạo của bản thân.

Danh hiệu thi đua đạt được trong năm học 2024 – 2025:

* Về nhà trường, CBGVNV:

- Trường được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- Được UBND tỉnh tặng Bằng khen Tập thể Lao động Xuất sắc
- Giữ vững Trường chuẩn quốc gia mức độ 2 ; Trường Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới.
- Công đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- Liên Đội xuất sắc cấp huyện.
- Lao động Tiên tiến: 31/31 đạt tỷ lệ 100 %
- GVCDG cấp huyện: 02 đ/c
- Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở: 10 đ/c
- UBND huyện tặng giấy khen: 02 đ/c
- UBND Tỉnh tặng Bằng khen: 01 đ/c
- SKKN cấp cơ sở: 08 SKKN

* Về học sinh:

- Số học sinh hoàn thành chương trình lần 1
735/740 tỷ lệ : 99,3%

Kết quả các kỳ thi, giao lưu:

- HS HTCTTH: Số HS K5: 110 - 1 (khuyết tật) = 109; $109 / 109 = 100 \%$.

* HS được khen thưởng: $491/740 = 66,4\%$ (trong đó khen Xuất sắc: 284 HS; HS tiêu biểu: 207)

- HS xuất sắc: $284 / 740 = 38,4\%$
- HS tiêu biểu hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện: $207/740 = 28,0\%$
- * **Các cuộc thi, giao lưu do ngành tổ chức:**
 - Chất lượng khảo sát lớp 5 được xếp xếp thứ nhất điểm bình quân 3 môn Toán, TV; T. Anh trên toàn huyện.
 - Tin học trẻ cấp huyện: 01 (1 giải nhì)
 - Giao lưu Olympic cấp huyện: 06 em (trong đó có 01 nhất, 01 giải nhì 01 giải ba và 3 giải KK)
 - 01 học sinh có video đạt giải ấn tượng nhất cấp tỉnh năm 2024 và 02 em đạt cấp huyện được đi dự thi cấp tỉnh năm 2025.
- * **Sân chơi trên Internet:**
Có 8 học sinh học sinh đạt quốc gia; 78 học sinh đạt cấp tỉnh và 40 học sinh đạt cấp huyện.

Trên đây là Báo cáo kết quả thường niên năm 2025 theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo của trường Tiểu học Diên Xuân.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT (b/c)
- Đăng công TTĐT
- Lưu VT


HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG
TIỂU HỌC
DIỄN XUÂN
Ngô Thị Hà